

STREAM



Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực

Tạp chí STREAM

Học hỏi và trao đổi thông tin về đời sống của nông, ngư dân

Sáng kiến STREAM do AusAID, DFID, FAO, NACA và VSO tài trợ

Mục lục

Kinh nghiệm thành lập tổ nhóm cộng đồng ở vùng Gia-ba-ra bang Tây Ben-gan <i>Amar Prasad, Virendra Singh, Binay Sahay và Gautum Dutta</i>	1
Mô hình tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản ở nông thôn Tây Ben-gan <i>Satyendra Tripathi, Graham Haylor, William Savage (STREAM)</i> <i>Jagdish Gangwar, Virendra Singh, Gautam Dutta và Prabhat Pathak (GVT)</i>	3
Bài học thu được cho làng Phun-oa Tô-li sau chuyến đi thăm Gia-ba-ra <i>Bhim Nayak và Rubu Mukherjee</i>	5
Tác động của Phòng Phát triển Nuôi trồng Thủy sản đối với đời sống người dân – Một mô hình thành công ở huyện May-u-ban, bang Ô-rít-xa <i>G B Parida</i>	7
Tìm hiểu vấn đề vốn sinh kế thông qua đánh giá nông thôn có sự tham gia cộng đồng trong các hoạt động xóa đói giảm nghèo <i>Binay Sahay</i>	9
Kinh nghiệm phân loại nghèo đói từ dự án EIRFP <i>Binay Sahay</i>	11
Vài nét về tạp chí STREAM	13
Giới thiệu về Sáng kiến STREAM	14

Lời giới thiệu

Tạp chí *STREAM* 2(4) là gồm các bài viết dành riêng cho Ấn Độ, phản ánh những mối quan hệ đối tác của *STREAM* tại vùng Đông Ấn. Trong số các quan hệ đó, có tổ chức phi chính phủ Gramin Vikas Trust (GVT), các cộng đồng bộ tộc, chi cục thủy sản thuộc chính quyền 3 bang Gia-khan, Ô-rít-xa và Tây Bengan – những địa bàn mà Sáng kiến *STREAM* làm việc với họ trong một khoảng thời gian khá dài.

3 bài viết đầu tiên đều xoay quanh vùng Gia-ba-ra và các làng lân cận ở huyện Pu-ru-li-a, bang Tây Bengan. Các đồng nghiệp hiện làm việc ở tổ chức phi chính phủ Gramin Vikas Trust (GVT) sẽ cho chúng ta thấy các tổ hợp tác phát triển được những người dân tự thành lập như thế nào. Tiếp đó, các đồng nghiệp của *STREAM* sẽ kể lại những thay đổi họ đã tai nghe mắt thấy ở vùng Gia-ba-ra chỉ trong thời gian vài năm. Một trong những đại diện thôn làng ở bang Gia-khan lân cận sẽ tiếp tục cho biết những sáng kiến mà anh đã cùng với cộng đồng của mình thực hiện, sau khi trở về từ chuyến thăm Gia-ba-ra. Tiếp đó là câu chuyện về một nông dân nuôi cá được hưởng lợi từ sự giúp đỡ của chính quyền bang Ô-rít-xa (liền kề với Gia-khan), theo lời kể của một cán bộ công tác tại Phòng Phát triển Nuôi thủy sản của huyện May-u-ban. Hai bài viết cuối cùng là sự minh họa cho mối liên hệ giữa các phương hướng sinh kế với các công cụ đánh giá nông thôn có sự tham gia của cộng đồng (PRA) được GVT sử dụng khi làm việc với các cộng đồng vùng nông thôn.

Chúng tôi rất vui mừng nhận được sự cộng tác nhiệt tình của các đồng nghiệp Ấn Độ, đặc biệt là tổ chức Gramin Vikas Trust – nơi đã chấp thuận cho đặt văn phòng quốc gia của *STREAM* Ấn Độ tại trụ sở của mình ở thành phố Ranchi, thủ phủ bang Gia-khan. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn anh Rubu Mukherjee, Trưởng phòng thông tin *STREAM* Ấn Độ, đã giúp chúng tôi tổng hợp các bài viết cho số tạp chí này.

Chúc bạn đọc tìm được những thông tin bổ ích!

Graham Haylor, Giám đốc Sáng kiến *STREAM*, và
William Savage, Biên tập *Tạp chí STREAM*

Kinh nghiệm thành lập tổ nhóm cộng đồng ở vùng Gia-ba-ra bang Tây Ben-gan

Amar Prasad, Virendra Singh, Binay Sahay và Gautum Dutta

Thời kỳ “tiền GVT”

Gia-ba-ra là một cụm dân cư bao gồm một số làng thuộc huyện Pu-ru-li-a, bang Tây Ben-gan, Ấn Độ. Khoảng 48% đất đai Gia-ba-ra thuộc loại kém màu mỡ, năng suất canh tác thấp. Vùng này thường xuyên phải đối mặt với hạn hán và mưa bão bất thường. Hầu hết các hộ gia đình Gia-ba-ra đều có lao động làm thuê ở nơi khác. Dân cư Gia-ba-ra chủ yếu sinh sống dưới hình thức bộ tộc. Cho đến năm 1994, tức là trước khi dự án Canh tác Lúa nước Đông Ấn (EIRFP)¹ được triển khai ở đây, người dân vẫn chưa có những tổ chức quần chúng, và không hề có khái niệm gì về “quy trình nuôi trồng thủy sản” hay “phát triển thôn xóm theo kế hoạch”. Chỉ có vài ba nông dân nuôi cá theo kiểu truyền thống, tức là thả giống cá địa phương vào ao nuôi, nhưng sản lượng và thu nhập từ nuôi cá rất thấp.

Phương pháp tham gia cộng đồng của EIRFP

Sử dụng phương pháp phát triển theo hình thức cộng đồng, dự án EIRFP đã triển khai những sáng kiến nhằm cải thiện sinh kế của những người dân nghèo khổ thuộc các bộ tộc khác nhau, với sự tham gia tích cực của chính họ. Dự án được bắt đầu tại Gia-ba-ra – một trong những địa bàn nghèo đói nhất Tây Ben-gan – nhằm hỗ trợ cộng đồng xúc tiến các hoạt động phát triển. Ở đây đã thành lập 2 nhóm nam giới, *Padma Lochan* (10 thành viên) và *Nabodaya* (9 thành viên), cùng với 2 nhóm phụ nữ, *Mahamaya* và *Shilawati*, mỗi nhóm 10 người. Năm 1997, có thêm nhóm *Maa Santoshi* được thành lập. Dần dần, người dân trong vùng đã thấy được vai trò quan trọng của các nhóm. Điều này khiến các nhóm rất phấn khởi. Họ đã mở tài khoản ở một ngân hàng gần đó nhất, và xây dựng điều lệ hoạt động. Họ còn quyết định lập ra một ban quản trị chung, gọi là *Jote Solah Anna*, để giám sát các hoạt động của 5 nhóm trên.

Xây dựng năng lực cho các thành viên nhóm

Dự án EIRFP đã đóng góp một cách thiết thực vào quá trình phát triển của làng xóm, thông qua việc nâng cao kỹ năng và kiến thức cho các thành viên nhóm. Dự án cũng giúp các thành viên nhóm lựa chọn ra một số người tiêu biểu có kỹ năng và nhiệt tình tham gia vào nhiều loại hình hoạt động khác nhau, để làm tuyên truyền viên cộng đồng, tiếng địa phương gọi là *jankar*. Những người này được tham gia tập huấn tại chỗ và tham quan học hỏi để nâng cao trình độ. Các *jankar* được tập huấn về các nội dung:



Ảnh: Xây dựng năng lực cho các jankar

thành lập và quản lý nhóm, tín dụng tiết kiệm, quản lý quỹ nhóm, mùa vụ, kỹ thuật nuôi thủy sản, trồng trọt, bảo vệ tài nguyên đất và nước, chăn nuôi, cùng với các hoạt động tạo thu nhập khác cho các hộ thiếu đất (VD: đan đĩa lá, bện dây thừng, nuôi gia cầm.v.v...).

¹ Trước đây do KRIBCHO – một hợp tác xã quốc doanh sản xuất phân bón – quản lý. Kể từ năm 2000, dự án nằm dưới sự điều hành của tổ chức phi chính phủ Gramin Vikas Trust (GVT) – ra đời trên nền tảng ban đầu của dự án EIRFP và được KRIBCHO ủng hộ thành lập.

Trong lĩnh vực nuôi thủy sản, các *jankar* được tập huấn kỹ thuật thả cá giống, chăm sóc quản lý ao và xử lý nguồn nước. Các học viên nông dân cho biết, không chỉ ngày càng tin tưởng hơn vào những gì đang làm, mà họ còn có thể áp dụng vào thực tế những kiến thức được truyền thụ, vì các khóa tập huấn được tổ chức kịp thời, nội dung sát thực.

Nuôi thủy sản trong làng xóm

Đầu tiên, các nhóm đi tìm những ao trong làng có thể nuôi được cá. Họ mua một số ao từ các chủ ao, bằng số tiền đóng góp 300 ru-pi/tháng của các thành viên (1 rupi tương đương với khoảng 31,5 đồng Việt Nam - ND) cộng với nguồn thu từ một số hoạt động gây quỹ khác. Khi đã có kiến thức nhất định và nguồn hỗ trợ cá giống từ EIRFP, họ bắt tay vào nuôi cá. Từ một xuất phát điểm nhỏ bé, nay các nhóm đã đi vào triển khai một chương trình lớn về nuôi thủy sản trong vòng 2 năm. Chương trình đang được triển khai khá hiệu quả.



Ảnh: Bội thu

Khi thu hoạch, các thành viên nhóm cùng tham gia đánh cá. Việc tiêu thụ ra thị trường được thực hiện nhờ một số người chuyên mua cá ở đây rồi đem sang nơi khác bán. Chị Thanda Mahato - một phụ nữ trong làng sống bằng nghề đánh bắt cá - là một trong số này. Hàng tuần, chị đi bán cá khoảng 3-4 buổi, thu lãi trên dưới 100-150 ru-pi mỗi ngày. Số tiền thu được, chị đem trang trải các khoản chi tiêu của gia đình, và gửi một ít vào quỹ tín dụng bưu điện.

Liên hệ với chính quyền và các tổ chức phi chính phủ - Cơ hội chuyên mình

Ưu thế của các nhóm ngày càng được nâng lên, và nay trong thành phần của ban quản trị, đã có đại diện của 14 nhóm như vậy. Khi có dịp được tham gia tập huấn, nhờ các cán bộ ngư nghiệp, người dân còn biết rằng chính phủ cũng cung cấp nhiều nguồn lực cho chương trình thủy sản. Họ đã tận dụng sự giúp đỡ này để cải tạo ao và nhận được vốn hỗ trợ 11.000 ru-pi theo đề nghị của *Panchayat Samiti*². Họ còn được cấp cá giống, lưới và các vật tư cần thiết khác.

Bằng cách đó, Gramin Vikas Trust (GVT) đang tập trung nỗ lực vào việc bồi dưỡng nguồn nhân lực và "nguồn lực xã hội" nhằm cải thiện đời sống nhân dân địa phương, làm điển hình cho các khu vực lân cận học tập. Ngày nay, người dân đã xây dựng được những kế hoạch tổng thể để phát triển thôn xóm của mình, trong đó thể hiện những quan điểm và kiến thức vững chắc của họ. Họ cũng đánh giá cao vai trò của các tổ chức phi chính phủ như GVT trong việc giúp họ tìm ra hướng thay đổi phù hợp.

Các tác giả đều là các cán bộ, nhân viên của tổ chức phi chính phủ Gramin Vikas Trust (GVT). Amar Prasad là Trưởng phòng Điều hành, Virendra Singh là Quản đốc Dự án, Binay Sahay là Cán bộ Phát triển Cộng đồng Cơ sở (cả ba người đều làm việc cho dự án GVT Đông Ấn), và Gautum Dutta là Kỹ thuật viên Nuôi thủy sản ở Tây Ben-gan. Địa chỉ thư điện tử chung cho các tác giả là <rch_gvteirfp@sancharnet.in>.

² Cơ quan hành chính cơ sở

Mô hình tổ hợp tác nuôi trồng thủy sản ở nông thôn Tây Ben-gan

**Satyendra Tripathi, Graham Haylor, William Savage (STREAM)
Jagdish Gangwar, Virendra Singh, Gautam Dutta và Prabhat Pathak (GVT)**

Trở lại Gia-ba-ra

Năm 1996, 2 chuyên gia nuôi thủy sản của dự án Canh tác Lúa nước Đông Ấn (EIRFP) là Satyendra Tripathi và Graham Haylor đến thăm làng Gia-ba-ra ở bang Tây Ben-gan. Thời điểm đó, 60% số hộ gia đình ở đây thiếu ăn quanh năm, vào mùa vụ họ phải đi làm thuê để kiếm số tiền ít ỏi. Khoảng một phần tư các hộ rơi vào tình cảnh nợ nần, phải vay tiền của các chủ quỹ cứu tế khẩn cấp để mua thực phẩm và thuốc chữa bệnh. Trẻ em phải đi học xa đến 4 cây số. Nếu có ai đủ can đảm đi vay ngân hàng, thì cũng phải đi mất 5 cây số mới đến được nơi gần nhất. Mặc dù hạn hán, bão lụt thường xuyên xảy ra, nhưng có tới ba phần tư người dân Gia-ba-ra làm nghề trồng lúa; nhiều hộ phải đi làm mướn vào mùa trồng *kharif* và *rabi*, đóng gạch hoặc làm dịch vụ đánh trống mừng đám cưới. Ở đây chỉ có hai phần ba nam giới và không đến một phần ba nữ giới biết chữ.

Năm 1995, hợp tác xã phân bón Krishak Bharti Cooperative (KRIBHCO) Ấn Độ cùng với Bộ Phát triển Quốc tế Anh quốc (DFID) bắt đầu khuyến khích người dân thành lập các tổ nhóm để bàn biện pháp ổn định đời sống thông qua xây dựng “nguồn lực xã hội”. Theo lời ông Virendra Singh, “Nguồn vốn xã hội được tạo lập bởi cộng đồng ngay trong chính cộng đồng đó, với tinh thần cao và nhận thức tốt được gây dựng bởi những người tổ chức cộng đồng giàu tâm huyết”. Tháng 9 năm 2003, chúng tôi đã có dịp trở lại Gia-ba-ra với Gramin Vikas Trust (GVT) – một tổ chức phi chính phủ ra đời nhờ quá trình thực hiện dự án EIRFP, và Ajit Banerjee, giám đốc điều hành chi nhánh ngân hàng Maubhum Gramin ở thị trấn Ludhurka gần đó. Từ 3 tổ hợp tác nhỏ bé lúc sơ khai, nay đã có đến 40 tổ được thành lập và tổ chức tốt, không chỉ ở Gia-ba-ra mà còn cả ở các làng xung quanh.

Hệ thống ‘Đô-ba’

Cũng như nhiều gia đình khác ở địa phương, các thành viên tổ hợp tác không có quyền sở hữu hoặc chiếm hữu đối với các ao chứa nước mưa để nuôi cá theo kiểu truyền thống mà Chi cục Thủy sản thường vận động người dân thực hiện. Ông Nityo Gopal, một jankar (tức người tổ chức cộng đồng, tuyên truyền viên - ND) nói “Ở những vùng canh tác bằng nước mưa, nước nổi rất khan hiếm – chỉ có những nhà giàu mới có điều kiện làm ao chứa”. Các tổ hợp tác ương cá giống trong những ao nhỏ lấy nước theo mùa hoặc *đô-ba* (hồ trữ nước nhỏ) trước khi đem thả ra ao hoặc bể chứa lớn hơn. Ý tưởng này được EIRFP phổ biến và được gọi bằng cái tên “hệ thống *đô-ba*”. Shamlal Yadav, Điều phối viên GVT ở bang Tây Ben-gan West Ben-gan, cho biết việc nghiên cứu các giải pháp nuôi thủy sản của người dân và sử dụng các *đô-ba* cũng như ao



Ảnh: Ương cá hương trong ao chứa nước theo mùa ở Gia-ba-ra

chứa nước theo mùa đã được thực hiện với sự trợ giúp của chương trình phát triển tài nguyên thiên nhiên thuộc Bộ Phát triển Quốc tế Anh quốc (viết tắt là chương trình DFID NRSP) thông qua dự án “Nuôi trồng thủy sản trong hệ thống canh tác nông nghiệp ở cao nguyên Đông Ấn” giai đoạn 1996-2000. Theo đơn đặt hàng của dự án, một vở kịch đường phố với tên gọi *Ao cho cá nhỏ* (*The Pond of the Little Fishes*) đã được nhà biên kịch địa phương Rakesh Rahman biên soạn, thể hiện cuộc sống của những người dân và tiềm năng của hoạt động ương nuôi cá giống sử dụng *đô-ba* trong việc ổn định đời sống dân làng thay vì phải di cư ra nơi khác kiếm sống.

Nityo Gopal nói thêm về hệ thống *đô-ba* như sau:

“Chúng tôi đào *đô-ba* vào tháng 12, đến khi bắt đầu mùa mưa thì mua giống, rồi thả nước bằng giấy quỳ. Nếu giấy quỳ chuyển màu sang hồng hoặc đỏ, chúng tôi lấy vôi bón vào. Cứ 3 đến 7 ngày một lần, chúng tôi dùng vợt và ống vớt phù du để kiểm tra và quyết định lượng thức ăn và phân bón bổ sung. Nếu mật độ cá dày hơn, phải chuyển cá sang ao khác”

Cá chép và mè trắng sẽ đạt đến trọng lượng 250-300 gam, rô-hu, cá-ta và mri-gan đạt 50-100 gam. Nếu có mưa vào tháng 9 – tháng 10, thì đến tận tháng 1 năm sau ao vẫn còn nước, đến khi đó cá trôi Ấn có thể đạt trọng lượng 250-300 gam, cá mè và chép thậm chí trên nửa cân mỗi con.

“Chúng tôi ăn cá”, Nityo Gopal nói “vì chỉ có 30 ru-pi một cân, trong khi gà vịt phải mua với giá 100 ru-pi một cân”. Nếu cần ăn thịt, một con dê có thể cho nhiều người ăn, trong khi một con cá chỉ đủ cho một hai người. Chúng tôi bán được rất nhiều cá. Giá cá giống lên xuống tùy lúc, nhưng cá giống cỡ lớn bán ngay vào đầu vụ thì được giá nhất. Nếu thả quá nhiều vào ao, chúng sẽ còi cọc, chậm lớn. Mọi người đều biết rằng nếu thả vào một diện tích ao lớn hơn, cá sẽ lớn nhanh hơn nhiều (hiện tượng mà các nhà thủy sinh học gọi là “tăng trưởng bù”), bởi vậy những người có ao chứa nước quanh năm thường mua của chúng tôi với giá 90-100 ru-pi/cân. Đối với cá thu hoạch, chúng tôi bán với giá 20-30 ru-pi/cân nếu mua tại chỗ. Cá lớn hơn được bán với giá 60-70 ru-pi/cân cho các chủ ao để họ nuôi vỗ làm cá bố mẹ”

Khích lệ từ một cơ chế tín dụng linh hoạt

Tháng 5 năm 2000, Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ ban hành thông tư chỉ đạo các ngân hàng phát triển nông thôn mở các chương trình hỗ trợ tài chính trực tiếp cho các tổ hợp tác, thông qua việc cấp vốn nhanh (xét duyệt trong vòng 3 ngày) cho các tổ mà không yêu cầu tài sản bảo đảm, mặt khác thời hạn hoàn trả cũng rất linh hoạt, các tổ có thể trả lại vốn mà họ đã vay vào bất cứ lúc nào trong vòng 3 năm. Lãi suất vay hàng năm là 12%, trong khi những người cho vay tiền tư nhân ở địa phương thường bắt trả lãi suất 5-10% mỗi tháng. Ngoài ra, số vốn vay từ ngân hàng có thể dao động từ 500 đến vài trăm ngàn ru-pi.

Về thủ tục xin vay vốn, các tổ có thể cử 2-3 người tới ngân hàng, mang theo một bản chứng nhận gọi là “Resolution” để chứng thực sự tồn tại của nhóm, với thông tin chi tiết về các khoản tiết kiệm, kế hoạch sản xuất (bao gồm cả số tiền vốn xin vay), mục đích sử dụng vốn của tổ. Ngân hàng sẽ yêu cầu những người này điền vào đơn xin vay vốn và giấy ghi nợ (*Demand Promissory Note*). Những tổ nào đã hoàn trả 100% vốn vay lần trước đều có thể xin vay vốn lần hai. Các tổ hợp tác nuôi thủy sản thường là thành công nhất và có số tiền tiết kiệm tích lũy được nhiều nhất, bởi vậy họ thường có khả năng vay được nhiều vốn hơn. “Quá là sự thay đổi lớn” – Ajit Banerjee nói – “Các tổ hiện nay đều coi vốn vay là tài sản của họ và họ có trách nhiệm phải hoàn trả, chứ không phải là khoản nợ mà họ có thể “đẩy dứa” được”. 40 tổ hợp tác ở Gia-ba-ra hiện đã tích lũy được tổng cộng hàng triệu ru-pi tiền tiết kiệm, và đang sử dụng khoản vay hàng trăm ngàn ru-pi từ ngân hàng.

Nói về những thay đổi đã diễn ra, một phụ nữ nói “Trước đây những tháng mùa mưa là cực hình đối với chúng tôi, vì trong nhà không có gì ăn, cũng chẳng có tiền. Chúng tôi phải đem cầm cả các dụng cụ sinh hoạt để vay tiền của các *mahajan* với lãi nợ cao cắt cổ”. Bà cụ Lalita Mahato kể “Hồi trước chúng tôi rất muốn bảo với cánh đàn ông trong làng rằng đừng có tin những người lạ, nhưng mà không dám nói ra! Bây giờ chúng tôi đã có thể tự đến ngân hàng xin vay vốn, tiếp xúc với giới chức chính quyền, thẳng thắn bày tỏ với họ những trở ngại và sẵn sàng đương đầu với thử thách. Rất vui là ý kiến của chúng tôi đã được họ lắng nghe và tôn trọng”

Chỉ là những giấc mơ...

Sự kiên trì giúp đỡ của EIRFP, và nay là các tuyên truyền viên của GVT, đối với các tổ hợp tác – là nhân tố cốt lõi trong quá trình phát triển ở Gia-ba-ra. Cũng góp phần không nhỏ vào đó, là những hoạt động nghiên cứu phù hợp và linh hoạt về các vấn đề kỹ thuật do người dân tự thực hiện với hỗ trợ của chương trình DFID NRSP, và chương trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi được Ngân hàng Maubhum Gramin nỗ lực triển khai một cách thận trọng dưới sự hướng dẫn của Ngân hàng Dự trữ. Tất cả những biến chuyển tích cực đó đều đã đưa lại những cơ hội quý báu cho người dân ở các vùng nông thôn, không kể nam nữ, đạt được uy tín nhất định và tham gia đóng góp ý kiến một cách bình đẳng, mặt khác tạo ra thu nhập, tiết kiệm và an toàn, hạn chế việc di cư, duy trì mối liên hệ với hệ thống ngân hàng quốc lập, và biến các ý tưởng thành hiện thực. Vài năm trước đây, những điều này chỉ là những giấc mơ.

Graham Haylor là Giám đốc, Satyendra Tripathi và William Savage là các chuyên gia của Sáng kiến STREAM, có thể liên hệ qua địa chỉ thư điện tử chung <ghaylor@loxinfo.co.th>. Jagdish Gangwar, Virendra Singh, Gautam Dutta và Prabhat Pathak hiện công tác tại GVT, địa chỉ thư điện tử chung là <rch_gvteirfp@sancharnet.in>.

Bài học thu được cho làng Phun-oa Tô-li sau chuyến đi thăm Gia-ba-ra

Bhim Nayak và Rubu Mukherjee

Từ Gia-ba-ra trở về Phun-oa Tô-li

Anh Bhim Nayak sống ở làng Phun-oa Tô-li, tiểu khu Bun-đu, huyện Ran-chi, bang Gia-khan. Làng có 900 nhân khẩu, hầu hết là những người không có đất canh tác và thường phải đi kiếm sống ở các thị trấn xung quanh. Chỉ có 20% dân làng Phun-oa Tô-li biết chữ.

Tháng 9 năm 2003, Bhim Nayak được NACA-STREAM tổ chức cho đi thăm vùng Gia-ba-ra ở Tây Ben-gan (xem 2 bài trước). Nhờ chuyến đi này, Bhim đã biết rằng người dân ở Gia-ba-ra đã thành lập các tổ hợp tác để làm rất nhiều việc, và còn huy động được sự hỗ trợ của ngân hàng.



Ảnh: Tại hội trường thôn bản do GVT giúp vốn xây dựng tại Gia-ba-ra, Bhim Nayak đang phát biểu về mối liên hệ giữa kinh nghiệm sẵn có của cộng đồng với hoạt động của Tổ Hợp tác dành cho nữ nông dân ở làng Phun-oa Tô-li

Sau chuyến đi, Bhim quyết định tuyên truyền thành lập các tổ hợp tác trong làng Phun-oa Tô-li. Anh đã tập hợp một số bà con, giải thích cho họ nghe về những lợi ích mà tổ hợp tác sẽ mang lại. Họ đã tán thành với quan điểm của anh, và ngay sau đó lập ra 4 tổ hợp tác, mỗi tổ có một mục đích khác nhau.

Hình thức và hoạt động hợp tác

Tổ 1

Tổ này có tên gọi Ambedkar Carrier Library Group, thành lập với mục đích nâng cao dân trí. Chức năng của tổ là thu thập và mua sắm sách vở phục vụ con em trong làng tham dự các kỳ thi do Sở Giáo dục Bang tổ chức, đồng thời để nâng cao trình độ cho dân làng, kể cả người lớn và trẻ em. Chỉ những người có học vấn mới trở thành thành

viên của tổ này, vì họ còn đảm nhiệm cả việc dạy học. Tổ đã có 25 thành viên, trong đó có 6 phụ nữ. Các thành viên đóng góp 5 ru-pi mỗi tuần vào quỹ của tổ. Một phần quỹ này được trích ra để mua sách. Là những người làm công tác xã hội, các thành viên tổ còn hướng dẫn dân làng làm nông nghiệp và nuôi cá.

Tổ 2

Tổ này đến nay vẫn chưa được đặt tên. 12 thành viên nữ trong tổ là vợ của các ngư dân hoặc người nuôi cá, nên họ thường đi bán cá. Họ bỏ vào quỹ hợp tác của tổ 10 ru-pi mỗi tuần, và dự định sẽ mở tài khoản riêng cho tổ ở ngân hàng, để trong trường hợp khẩn cấp, họ có thể rút ra sử dụng mà không phải vay nợ tư nhân lãi cao. Thành viên tích cực của tổ là các chị Lakhi Devi, Shrimatidevi, Lakhi Kumari và Doli Kumari.

Tổ 3

Tổ này được đặt tên là Devi Mansa, gồm 11 thành viên là nữ nông dân. Họ đóng góp 5 ru-pi mỗi tuần vào quỹ hợp tác. Từ quỹ này, họ mua thóc, xay xát thành gạo rồi bán sản phẩm ra chợ. Họ còn mua rau xanh từ những hàng buôn rồi mang ra bán lẻ ở chợ hoặc trong làng.

Tổ 4

Tổ hợp tác ngư nghiệp bao gồm 28 thành viên, chủ yếu là những người làm nghề nuôi cá. Họ đứng ra quản lý các thủy vực thuộc sở hữu nhà nước và cá nhân. Quỹ hợp tác của tổ được duy trì bằng lệ phí 5 ru-pi/tuần từ các thành viên. Hàng tuần các cuộc họp tổ cũng được tổ chức, tại đó các thành viên trao đổi về các kỹ thuật nuôi cá mới, phương pháp quản lý các thủy vực, khả năng sinh lợi của chúng, và cả việc làm sao để chấm dứt thói quen rượu chè. Trong số những thành viên tích cực nhất của nhóm, có các ông Rishav Kumar, Gautam Machua, Nagendra Machua, Kripa, Krishna, Kartik, D Prasad, D Charan, Laxman, Rahul và Manjeet.

Những lợi ích của tổ hợp tác

Sau khi thành lập các tổ hợp tác, những người dân làng Phun-oa Tô-li thấy các tổ này sẽ đem lại những lợi ích sau:

- Các thành viên tổ hiểu rõ tầm quan trọng của tín dụng nhỏ
- Mọi người đều tin tưởng rằng họ có thể làm diện mạo thôn làng tốt đẹp hơn
- Dân làng hiểu rõ hơn về những gì họ có thể làm để cải thiện mức sống của mình
- Họ đã xây dựng một trường học nhỏ trong làng, một điều chỉ có thể làm được thông qua mô hình tổ nhóm
- Mỗi người dân làng đều đã tham gia vào ít nhất một vài hoạt động tập thể
- Hiện nay, làng đang được các tổ chức phi chính phủ giúp đỡ, và sau 6 tháng nữa họ sẽ có đủ tiền để mở tài khoản tín dụng nhỏ ở ngân hàng nông nghiệp.



Ảnh: Ban nhạc Phun-oa Tô-li đang biểu diễn trong một hội làng – chơi nhạc đám cưới và các dịp lễ là một trong các hoạt động tạo thu nhập

Bhim Nayak là lãnh đạo làng Phun-oa Tô-li, tiểu khu Bun-đu, huyện Ran-chi, bang Gia-khan. Rubu Mukherjee là trưởng phòng thông tin STREAM Ấn Độ tại Văn phòng Quốc gia ở thành phố Ranchi. Có thể liên hệ với cả hai tác giả theo địa chỉ thư điện tử <streamindia@sancharnet.in>.

Tác động của Phòng Phát triển Nuôi trồng Thủy sản đối với đời sống người dân – Một mô hình thành công ở huyện May-u-ban, bang Ô-rít-xa

G B Parida

Câu chuyện của một nông dân với Phòng Phát triển Nuôi trồng Thủy sản

Phòng Phát triển Nuôi trồng Thủy sản (PTNTTS) huyện May-u-ban, bang Ô-rít-xa được thành lập năm 1978, với mục đích tăng sản lượng cá quy mô nhỏ và quy mô lớn, thông qua phát triển nghề nuôi thương phẩm. Dưới đây là câu chuyện về một mô hình nuôi thủy sản thành công.

Bác Shri Pulin Kumar Behera sinh trưởng ở làng Nua-ga-ôn, tiểu khu Ba-ra-sa-hi, huyện May-u-ban. Từ năm 1980, với hỗ trợ của phòng PTNTTS, bác bắt đầu nuôi cá trong một ao rộng khoảng 0,6 mẫu Anh (1 mẫu Anh tương đương khoảng 4000 mét vuông – ND), bằng số vốn 6.000 ru-pi được vay. Sau vài vụ làm ăn có lãi, Shri Behera dự định mở rộng diện tích nuôi. Một lần nữa phòng PTNTTS May-u-ban lại đến giúp bác.

Ao nuôi, vốn vay, trợ cấp

Năm 1985, bác đào thêm một ao nuôi cá rộng 1.35 mẫu Anh bằng nguồn vốn 25.000 ru-pi vay của ngân hàng. Trong số vốn này, bác được chính quyền trợ cấp 1.350 ru-pi. Với những khuyến khích của phòng PTNTTS May-u-ban và sự phấn đấu của mình, vào vụ cá 1992-1993, Shri Behera dùng vốn vay 50.000 ru-pi tiếp tục phát triển thêm một ao cá rộng 1.25 mẫu. Bác còn được phòng PTNTTS phát vốn trợ cấp 10.000 ru-pi. Vào các năm 2001-2002 bác đầu tư thêm số vốn vay 345.000 ru-pi đào một ao nữa rộng 3,5 mẫu. Sau đó, phòng PTNTTS huyện tiếp tục cấp cho bác 79.000 ru-pi tiền hỗ trợ của chính phủ. Cũng bằng cách này, bác đã rót 80.000 ru-pi vay được cộng với 18.400 ru-pi trợ cấp để làm thêm một ao rộng 0.8 mẫu Anh.

Cá thịt, cá giống, gia cầm, rau quả

Trước khi phòng PTNTTS May-u-ban thành lập, bác Shri Behera chỉ làm mỗi nghề trồng trọt. Đến nay, với niềm đam mê riêng của mình và hỗ trợ của phòng PTNTTS, bác là một trong những nông dân nuôi cá giỏi của huyện, sở hữu diện tích 4,3 hec-ta ao cá. Bác không chỉ nuôi cá thịt mà còn ương cá giống. Mùa cá 2003 – 2004, bác đã sản xuất và bán ra 2 triệu cá giống cho các nông dân nuôi cá trong huyện và thu lãi 40.000 ru-pi. Ao cá của bác đạt năng suất 3 tấn/ha. Bác cho biết, lợi nhuận hàng năm từ bán cá giống và cá thịt trung bình đạt 250.000 ru-pi. Shri Behera không chỉ là một nông dân tiên tiến, mà còn đang ấp ủ dự định mở một doanh nghiệp chuyên doanh nông sản. Bác đã bắt đầu nuôi cá kết hợp với nuôi 100 con chim. Trên bờ ao, bác còn trồng một số loại rau quả như chuối, ớt, cà chua.

Nước ao và giếng khoan

Để trồng rau quả, bác Shri Behera thường lấy nước ao tưới cây. Bác còn tận dụng nguồn nước từ một cái giếng khoan được phun lên từ mạch ngầm 24/24 tiếng, mà không phải dùng động cơ đi-ê-zen hay điện để bơm lên. Đó quả là một món quà tặng của thiên nhiên dành tặng riêng để bác làm việc thuận lợi. Bác đã khoan một cái giếng khác và cho lắp vào miệng giếng một máy bơm điện công suất 5 mã lực để đề phòng trường hợp thiếu nước.

Tương lai hợp tác trong những năm tới

Năm nay, Shri Behera đã thả 35.000 tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) vào nuôi ghép với cá với mục đích tăng thêm thu nhập. Bác dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất và xây trại giống riêng vào năm sau. Cũng từ năm nay, phòng PTNTTS huyện May-u-ban cũng sẽ bắt đầu hỗ trợ các tổ hợp tác.

Những bài học

Cần phải nói rằng từ tháng 3/2003, nông dân từ bang Gia-khan lân cận đã rủ nhau tới thăm nông trại của bác Shri Behera. Theo họ, thành công của bác đạt được là nhờ những yếu tố sau:

- Bác có sự say mê và hết mình vì nghề nuôi cá

- Vốn tín dụng
- Hoàn trả vốn cho ngân hàng đúng thời hạn, nên được ngân hàng tạo điều kiện cho vay tiếp
- Sử dụng vốn vay và vốn trợ cấp hợp lý
- Được phòng PTNTTS huyện thường xuyên giúp đỡ

Năm nay phòng PTNTTS May-u-ban đã tổ chức cho 15 nông dân ở địa phương khác tới tham quan học tập nông trại của bác Shri Behera. Họ rất ấn tượng khi được tận mắt thấy hệ thống xử lý nước thải, ao nuôi tôm cá, các phương tiện và công trình khác được bác đầu tư mua sắm, xây dựng.



Ảnh: Tác giả G B Parida (thứ hai từ trái sang) cùng các cán bộ Chi cục Thủy sản đang thảo luận tại Hội thảo Chiến lược Truyền thông cấp bang do Sáng kiến STREAM tổ chức tại Bu-ba-netx-oa, Ô-rít-xa tháng 11/2003.

[Thuyết minh bổ sung của Trưởng phòng Thông tin STREAM Ấn Độ: Phòng PTNTTS May-u-ban hiện đang cộng tác chặt chẽ với STREAM Ấn Độ để chia sẻ những kinh nghiệm của họ. Phòng Thông tin STREAM đã có các cuộc hội đàm qua điện thoại với phòng PTNTTS May-u-ban về kế hoạch giúp đỡ nông dân nuôi cá của chính quyền bang Ô-rít-xa. Các cán bộ phòng PTNTTS May-u-ban cũng đóng góp các kinh nghiệm của mình vào hội thảo Chiến lược Truyền thông cấp Bang tổ chức tại thành phố Bu-ba-netx-oa, thủ phủ bang Ô-rít-xa vào tháng 11 năm 2003. Nhờ vậy, một đường dây trao đổi thông tin đã được hình thành giữa phòng PTNTTS May-u-ban và phòng Thông tin STREAM Ấn Độ]

G B Parida là Chuyên viên Thủy sản và Khuyến ngư công tác tại Phòng PTNTTS huyện May-u-ban, bang Ô-rít-xa. Có thể liên lạc gián tiếp với tác giả qua trưởng phòng Thông tin STREAM Ấn Độ, Rubu Mukherjee, tại địa chỉ thư điện tử <streamindia@sancharnet.in>.

Tìm hiểu vấn đề vốn sinh kế thông qua đánh giá nông thôn có sự tham gia cộng đồng trong các hoạt động xóa đói giảm nghèo

Binay Sahay

Tình hình đói nghèo ở Ấn Độ

Ấn Độ là một đất nước rộng lớn, nhưng nạn nghèo đói ở đây diễn ra khá dai dẳng. Từ nửa đầu thập kỷ 1970 trở về trước, tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo đói không biến động nhiều, thường ở mức 55%, và trong giai đoạn 1975 đến 1987, tỷ lệ này giảm dần xuống 38%. Khuynh hướng này trùng hợp với sự tăng trưởng kinh tế ở mức 4-5% mỗi năm (theo Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Ấn Độ, 1997). Tình hình nghèo đói tiếp tục được cải thiện cho đến tận những năm 1990, nhưng với tốc độ chậm dần, nhất là ở khu vực nông thôn. Hình thái đói nghèo thay đổi tùy theo các nhóm dân cư khác nhau, như nam – nữ, bộ tộc, đẳng cấp và những tầng lớp bản cổ nông trong cộng đồng nông thôn. Trong vòng 50 năm qua, rất nhiều hướng đi đã được thử nghiệm để đối phó với nạn đói nghèo mà tính chất của nó ngày càng trở nên phức tạp.

Sự hình thành và phát triển của các chiến lược xóa đói giảm nghèo

Vào những năm 50, 60 của thế kỷ trước, ở Ấn Độ, có nhiều người cho rằng những chương trình đầu tư lớn vào cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng là điều kiện tiên quyết cho phát triển. Cho đến những năm 1970, người ta càng ngày càng nhận thấy nếu chỉ đầu tư vào cơ sở vật chất là chưa đủ, mà cả y tế và giáo dục cũng có tầm quan trọng không kém. Tới thập niên 1980, người ta lại thấy có sự chuyển hướng sang thực hiện một chiến lược xóa đói giảm nghèo gồm 2 giai đoạn: phát triển kinh tế dựa vào lao động thủ công thông qua việc mở cửa nền kinh tế và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, và cung cấp các dịch vụ cơ bản về y tế, giáo dục cho người nghèo. Đến những năm 1990, hệ thống hành chính và cơ quan nhà nước đi vào giai đoạn trung tâm của một tập hợp chiến lược “tấn công” vào đói nghèo, bằng cách tạo ra các cơ hội, khuyến khích nâng cao vai trò của người dân, tăng cường an ninh và xây dựng thể chế (theo Ngân hàng Thế giới, 2001).

Công cuộc xóa đói giảm nghèo đã giành được những thành tựu đáng kể trong 2 thập kỷ qua. Rất nhiều tiền của đã được đầu tư nhằm giải quyết nạn đói nghèo, đặc biệt là giúp cho những người dân không có tư liệu sản xuất đi vào quỹ đạo lớn của quá trình phát triển. Trở ngại chủ yếu còn tồn đọng cho đến nay chính là tính chất phức tạp của nghèo đói cũng như cách thức tìm hiểu và xây dựng những chiến lược phù hợp để vượt qua nó.

Tìm hiểu vấn đề đói nghèo và quan hệ của nó với sinh kế

Hiện tượng nghèo đói luôn đi kèm với sự thiếu hụt những nguồn vốn hoặc khả năng sử dụng các nguồn vốn đó phục vụ mục đích sản xuất. Nạn đói thường là triệu chứng của cấp độ “nghèo quá mức”, gây ra bởi rất nhiều các nhân tố khác nhau như thiếu dịch vụ xã hội, kinh tế, giáo dục, không có cơ hội bày tỏ ý kiến trực tiếp hoặc gián tiếp, quyền năng hạn chế, sức khỏe kém và cả thu nhập thấp. Trong một số trường hợp, thay vì dùng từ “nạn đói”, có thể sử dụng cụm từ “mất an ninh lương thực”, hàm ý những người nghèo không có khả năng tự túc về lương thực (kể cả sản xuất hay mua sắm).

Dự án EIRFP cho rằng sinh kế của cá nhân hay cộng đồng đều được hình thành bằng khối tài sản vô hình và hữu hình, có thể được chia làm 5 loại bao gồm nguồn nhân lực, nguồn lực xã hội, tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất và nguồn tài chính (Carney, 1998). Để lập ra các chiến lược xóa đói giảm nghèo, trước tiên cần phải hiểu được hiện trạng sử dụng các tài sản đó cũng như tầm quan trọng của chúng trong đời sống người dân, để từ đó có cơ sở cải thiện đời sống của các cá nhân nói riêng và cả cộng đồng nói chung.

Tìm hiểu bằng phương pháp PRA

Dự án Canh tác Lúa nước Đông Ấn (EIRFP) (xem khung chữ) đã thu được những kinh nghiệm nhất định về áp dụng phương pháp đánh giá nông thôn có sự Tham gia Cộng đồng (PRA) để tìm hiểu xem người dân và cộng đồng sử dụng các tài sản của họ như thế nào vào việc mưu sinh. Một trong những mục tiêu đề ra là tạo động lực cơ bản cho an ninh lương thực và từng bước xóa đói nghèo.

Dự án EIRFP hiện đang do tổ chức phi chính phủ Gramin Vikas Trust (GVT) quản lý, với sự hỗ trợ của KRIBHCO và chính phủ Ấn Độ, và nguồn vốn tài trợ của Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID). Đây là dự án bắt đầu cho một quá trình làm thay đổi đời sống người dân thiếu tư liệu sản xuất ở 3 bang Gia-khan, Ô-rít-xa và Tây Ben-gan vùng cao nguyên Đông Ấn.

Dự án đã đưa ra những phương hướng và quá trình nhằm đảm bảo cho tầng lớp nông dân nghèo khổ nhất tham gia vào việc xây dựng, thực thi, giám sát và đánh giá các chương trình ổn định đời sống của họ, trong đó các bộ tộc và nữ giới được quan tâm đặc biệt.

Các phương pháp PRA cho phép các địa phương thuộc dự án EIRFP tự tìm ra những đặc điểm về điều kiện và khả năng của mình, và liên kết các đặc điểm đó lại một cách có trật tự, hữu ích và thực tế. Thông qua việc tìm hiểu và phân tích này, họ đã nắm bắt sâu hơn nguyên nhân gây ra những khó khăn trở ngại mà họ phải đối mặt. Các cộng đồng cũng đã phát huy những sáng kiến để thực thi các giải pháp do mình tự đề xuất. Phương pháp tham gia cộng đồng được dự án EIRFP sử dụng để tìm hiểu những nguyên nhân cơ bản dẫn đến đói nghèo – bao gồm việc tìm hiểu vốn sinh kế (Tomar và đồng nghiệp, 2001) – cũng như những quy trình, cơ quan tổ chức hỗ trợ, phương thức



Ảnh: Các thành viên cộng đồng đang lập bản đồ xã hội

hoạt động có ảnh hưởng đến cách thức sử dụng các tài sản đó ở nhóm người nghèo. Các công cụ PRA không chỉ cho phép thu thập được thông tin, mà còn nâng cao được nhận thức cho các đối tượng chủ yếu trong cuộc chiến chống đói nghèo về cách thức nâng cao đời sống từ chính những gì mình có.

Dưới đây là các công cụ mẫu được dự án EIRFP sử dụng để tìm hiểu vốn sinh kế của người dân:

<i>Nguồn nhân lực</i>	<i>Nguồn lực về xã hội</i>	<i>Tài nguyên thiên nhiên</i>
Đặc điểm nhân khẩu học Thông tin Kỹ năng, nghề nghiệp Vai trò và trách nhiệm về giới Sức khỏe, dinh dưỡng	Bản đồ xã hội Phân loại giàu nghèo Trục thời gian Phả hệ gia đình, dòng tộc Di cư và nhập cư Đường xu hướng	Bản đồ tài nguyên Sơ đồ mặt cắt Nghề nghiệp Mùa vụ Phân loại theo ma trận (bảng phân tích) Đường xu hướng phát triển rừng và chăn nuôi
<i>Cơ sở vật chất</i>		<i>Vốn tài chính</i>
Bản đồ địa lý Sơ đồ Ven các cơ quan, tổ chức và cơ sở hạ tầng Các phương tiện sản xuất và dụng cụ lao động		Cơ sở cho gửi tiết kiệm Cơ sở cho vay tín dụng

Tài liệu tham khảo

Carney D 1998 *Sustainable Rural Livelihood: What Contribution Can We Make?* London, UK: Department for International Development.
 Tomar V S, Gangwar J S và Sahay B K 2001 *Evolution of Sustainable Livelihoods Strategy for Poor Men and Women: An Experience of EIRFP*. Copenhagen, Denmark: www.anthrobase.org
 Ngân hàng Thế giới 2001 *Attacking Poverty – Opportunity, Empowerment and Security: A World Development Report 2000-01*. Washington, DC, USA: World Bank.
 Ngân hàng Thế giới, Văn phòng Ấn Độ, 1997 *Achievement and Challenge in Reducing Poverty*. Delhi: World Bank India.

Binay Sahay là Cán bộ Phát triển Xã hội của tổ chức Gramin Vikas Trust tại Ranchi, Gia-khan. Địa chỉ thư điện tử của tác giả: sahaybinay@yahoo.co.in

Kinh nghiệm phân loại nghèo đói từ dự án EIRFP

Binay Sahay

Phân loại nghèo đói trong dự án EIRFP³

Sử dụng kỹ thuật phân loại nghèo đói, dự án EIRFP giúp các cộng đồng xác định 3 nhóm dân cư theo các tiêu chí tương ứng như sau:

1. Dư thừa: Đất đai, dịch vụ hoặc kinh doanh, sức mua, tư liệu sản xuất, nguồn vốn, ăn no mặc ấm quanh năm
2. Đủ ăn: Đất nương rẫy, làm ruộng rẫy, không có hoặc có ít tiền công, tối thiểu hai bữa ăn mỗi ngày và đủ ăn quanh năm, không hoặc ít có nhu cầu phải đi nơi khác kiếm sống
3. Túng thiếu: Ít đất hoặc không có đất canh tác, đất đai cần cỗi, phải cấy rẫy hoặc chung vốn chăn nuôi, làm công lấy tiền, những ngày thiếu ăn, di cư kiếm sống, nhà tạm, nợ nần

Nhóm “túng thiếu” được xếp vào đối tượng “nghèo nhất trong những người nghèo”. Dự án EIRFP còn phân chia nhóm này ra thành các loại sau:

- *Túng thiếu nặng*: Có ít đất và thường là đất nương rẫy, hoặc không có đất; phải cấy rẫy theo hình thức làm công nhật hoặc cửi vạ (Nguyên văn: *head-loading* = khuôn vác bằng cách đặt hàng hóa lên đầu - ND); các hộ gia đình có ít lao động và các cặp vợ chồng có con nhỏ; phải di cư kiếm sống một vài tháng trong năm; thợ thủ công hoặc các phường hội làm nghề truyền thống; những người thuộc đẳng cấp thấp trong xã hội thôn xóm.
- *Quần bách*: Người già, người bị bệnh tâm thần hoặc tàn tật không ai chăm sóc; những người không gia đình; những hộ gia đình nghiện rượu; góa phụ có con nhỏ không nơi nương tựa; các gia đình có người bị ốm lâu ngày và đôi lúc phải đi ăn xin.

Bằng việc phân loại riêng của mình, người dân các cộng đồng cũng đã xác định được 5 loại mức sống khác nhau trong thôn xóm. Loại thứ 5 – thấp nhất trong bảng phân loại – gồm những hộ dân khánh kiệt, tương đương với loại “quần bách” mà dự án đã xác định như trên.

Loại thứ 4 (túng thiếu nặng) là những hộ phải làm lụng vất vả quanh năm để có miếng ăn, và thường phải đối mặt với nạn suy dinh dưỡng. Trẻ em trong các gia đình này thường không được đến trường vì gia đình hay phải di chuyển để nơi khác để làm ăn vào một khoảng thời gian nhất định trong năm.

Loại thứ 3 (mà dự án gọi là “túng thiếu nhẹ” – là các gia đình có nhiều lao động trưởng thành hơn). Điểm khác biệt chính so với loại 4 là ở chỗ các gia đình loại 3 ít phải lo lắng về miếng cơm manh áo. Đây còn có thể là một số hộ làm nghề buôn bán vật hoặc làm hợp đồng quy mô nhỏ cho các thị trấn lân cận. Họ đủ ăn suốt cả năm.

2 loại đứng đầu bảng phân loại là “đủ ăn” và “dư thừa” – những hộ có đời sống ổn định hơn cả. Mặc dù các hộ này không phải là nhóm mục tiêu của dự án, nhưng họ cũng được khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực để giúp đỡ những người nghèo hơn trong cộng đồng.

Chiến lược

Một bộ hồ sơ sinh kế với chi tiết về các loại mức sống khác nhau do dự án phân chia dựa trên kết quả xếp hạng đói nghèo đã cho thấy rằng, với mỗi loại mức sống, cần có những chiến lược tác động riêng biệt để giải quyết khó khăn tồn tại. Trong khi các hộ gia đình “túng thiếu nặng” thường phải di cư trong một khoảng thời gian khá dài, hoặc phải làm các công việc khó mang lại lợi nhuận nhanh chóng như chuyên chở hàng hóa thủ công hay kiếm củi bán, thì các hộ “quần bách” thường phải sống trong những điều kiện thiếu dinh dưỡng và vô vọng. Các hộ này gần như không có cơ hội vay vốn, kể cả những khoản tiền chỉ để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trước mắt.

Chiến lược xóa đói giảm nghèo của dự án vạch ra việc xây dựng một hướng đi mới dựa vào điều kiện sẵn có của các hộ gia đình, và giúp đỡ cộng đồng giải quyết các khía cạnh kinh tế - xã hội của nạn đói nghèo, đặc biệt là chống sự phân biệt đối xử hay kỳ thị. Các chiến lược của dự án bao gồm việc xây dựng một môi trường thuận lợi để tạo ra những thay đổi, tạo dựng sự hiểu biết giữa thành viên trong cộng đồng, thu hút sự tham gia của người dân, nhất là phụ nữ, các bộ tộc ở địa phương. Dự án đã trang bị cho các tuyên truyền viên (tức là những người tổ chức cộng đồng) với kiến thức cơ bản về khoa học xã hội để họ khởi động những quá trình phát triển có sự tham gia của

³ Xem bài trước về dự án EIRFP – Canh tác Lúa nước Đông Ấn Độ EIRFP – với việc sử dụng phương pháp đánh giá nông thôn có sự tham gia cộng đồng (PRA) trong phân tích sinh kế vùng nông thôn.

người dân và xây dựng quan hệ tốt đẹp trong nội bộ nhóm mục tiêu, thông qua các hoạt động như gặp gỡ trực tiếp nông hộ, tổ chức họp cộng đồng và thậm chí cả việc phân phát giống cây, con.

Chiến lược tập trung vào các nhóm cộng đồng đã đem đến sự thừa nhận về mặt xã hội, cải thiện vị trí và sự an toàn cho người dân, đặc biệt là các hộ thuộc loại nghèo nhất và có đời sống bấp bênh nhất, đồng thời giúp họ tham gia tích cực vào các quá trình ra quyết định. Nó cũng khuyến khích các hộ dân nghèo tự thành lập tổ hợp tác để tiếp cận dễ dàng hơn với các khoản vay phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau. Sự cải thiện và tăng quy mô nhân lực và các nguồn lực xã hội khác đã dẫn đến việc mở ra những cơ hội mới cho các cá nhân, các tổ nhóm tự quản, cũng như cho cả cộng đồng.

Câu chuyện nhỏ về một hộ gia đình “quần bách”

Một miếng khi đói bằng một gói khi no – không ai có thể nhận ra chân lý ấy rõ ràng hơn chị Ravati Mahato, làng Khanasdi, huyện Kaipara, bang Tây Ben-gan. Người phụ nữ bị bệnh phong này – với một cô con gái đã đến tuổi lấy chồng – trước đây bị cả xã hội xa lánh và một mình chị phải kiếm miếng ăn từng bữa rất chật vật. Thế rồi một sự thay đổi lớn lao đã đến với chị, khi dự án EIRFP tới địa phương. Dự án đã xếp chị vào loại gia đình “quần bách”, và tiến hành một loạt các hoạt động xây dựng quan hệ cộng đồng, sau đó giúp chị tự tìm hướng thoát khỏi đói nghèo. Dự án cấp cho chị 2 con dê, rồi tiếp đó chị được nhận thêm 2 con dê nữa từ quỹ hợp tác của dân làng – những người đã hiểu ra trách nhiệm xã hội của cộng đồng đối với chị. Khi nhận thấy sự cấp bách phải đảm bảo nhu cầu sinh hoạt hàng ngày cho chị, dân làng còn giúp Ravati làm dịch vụ xay xát gạo để tăng thêm thu nhập thường xuyên.

Và thế là mọi việc nay đã đổi khác. Nhờ dịch vụ xay xát, nay Ravati đã không chỉ đủ ăn mà còn có một tài khoản tiết kiệm riêng với số tiền 2.000 ru-pi. Chị đã có 10 con dê và đã mở doanh nghiệp riêng để phục vụ thị trường tiêu thụ rộng hơn. Điều hơn cả là chị đã tổ chức được đám cưới cho con gái mình. Chị đã chính thức được xã hội thừa nhận.



Ảnh: Chị Ravati

Binay Sahay là cán bộ Phát triển Xã hội cấp cơ sở của tổ chức Gramin Vikas Trust tại huyện Ranchi, bang Jharkhand. Địa chỉ thư điện tử của tác giả: <sahaybinay@yahoo.co.in>.

VÀI NÉT VỀ TẠP CHÍ STREAM

Tạp chí STREAM được xuất bản bởi:

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản khu vực (STREAM)

Địa chỉ: STREAM Initiative
NACA Secretariat
Suraswadi Building
Department of Fisheries Compound
Kasesart University Campus
Ladyao, Jatujak, Bangkok 10903, Thailand

Ban biên tập

Graham Haylor, Giám đốc STREAM
Lê Thanh Lựu, Điều phối viên STREAM Việt Nam
William Savage, Chuyên gia thông tin STREAM
Sonia Seville, Điều phối viên STREAM Phi-lip-pin
Thay Somony, Điều phối viên STREAM Cam-pu-chia

Mục đích

Tạp chí STREAM được xuất bản hàng quý nhằm thúc đẩy sự tham gia, trao đổi thông tin và chính sách hỗ trợ sinh kế của người nghèo sử dụng nguồn lợi thủy sản, và để xây dựng mối quan hệ trong lĩnh vực quản lý nguồn lợi thủy sản cũng như các lĩnh vực khác ở Châu Á- Thái Bình Dương. Các bài viết trên tạp chí STREAM xoay quanh cuộc sống của người dân liên quan đến việc quản lý nguồn lợi thủy sản, đặc biệt là các đối tượng nghèo, các cơ quan, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các tổ chức quốc tế cùng làm việc với cộng đồng. Các vấn đề được đề cập bao gồm việc học hỏi kinh nghiệm, giải quyết tranh chấp, kỹ thuật truyền thông, quản lý nguồn lợi thủy sản, luật pháp, sinh kế, giới, sự tham gia của người dân, đối tác, chính sách và trao đổi thông tin.

Một mục đích quan trọng khác của Tạp chí STREAM là tạo cơ hội cho những người dân bình thường trình bày quan điểm của mình trong một ấn bản chuyên môn. Nội dung Tạp chí STREAM không nhằm mục đích phản ánh quan điểm của một tổ chức hay cơ quan cụ thể nào đó, mà thể hiện những tiếng nói của các cá nhân giới thiệu kinh nghiệm của riêng mình. Tác giả chịu trách nhiệm về nội dung bài viết, còn STREAM xác nhận và chịu trách nhiệm về biên tập và tổng quan.

Xuất bản

Tạp chí STREAM được xuất bản dưới ba hình thức:

- Bản điện tử được in và phân phối từ các Trung tâm thông tin của STREAM
- Bản điện tử có thể lấy từ trang web của STREAM tại địa chỉ <http://www.streaminitiative.org>
- Bản in do Ban thư ký NACA phân phối

Tham gia đóng góp

Tạp chí STREAM khuyến khích sự tham gia đóng góp các bài viết về những vấn đề cần quan tâm liên quan đến sử dụng nguồn lợi thủy sản. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thể viết các bài báo về kinh nghiệm của mình (mỗi bài dài không quá 1000 từ, bằng tiếng Anh đơn giản) để đóng góp cho tạp chí.

Các bài đóng góp có thể trực tiếp chuyển tới William Savage, Biên tập viên Tạp chí theo địa chỉ thư điện tử <savage@loxinfo.co.th>. Để biết thêm thông tin, xin liên hệ với Graham Haylor, Giám đốc STREAM, theo địa chỉ <ghaylor@loxinfo.co.th>

GIỚI THIỆU VỀ SÁNG KIẾN STREAM

Sáng kiến Hỗ trợ quản lý nguồn lợi thủy sản trong khu vực (STREAM) là sáng kiến nằm trong Chương trình hành động 5 năm của Mạng lưới Trung tâm Nuôi trồng Thủy sản Châu Á - Thái Bình Dương (NACA). Mục đích của STREAM là hỗ trợ các cơ quan và tổ chức:

- Sử dụng thông tin hiện có một cách có hiệu quả hơn
- Hiểu biết tốt hơn về cuộc sống của người dân
- Tạo cơ hội cho người nghèo tham gia xây dựng các chương trình và chính sách có tác động đến cuộc sống của họ

Để thực hiện điều này, STREAM sẽ hỗ trợ các cơ quan, tổ chức xây dựng các chương trình, chính sách và nâng cao năng lực phục vụ cho việc:

- Xác định những vấn đề quản lý nguồn lợi thủy sản có tác động đến cuộc sống của người dân
- Giám sát và đánh giá các phương thức quản lý khác nhau
- Thu thập thông tin
- Xây dựng mạng lưới liên kết nội bộ và ngoại vi giữa các ngành cũng như các quốc gia

Sáng kiến STREAM được hình thành trên cơ sở sự hợp tác và hỗ trợ của AusAID, DFID, FAO, VSO với NACA; cố gắng áp dụng cách tiếp cận tổng thể, để liên kết các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý nguồn lợi thủy sản và hỗ trợ họ tham gia thiết kế, thực hiện và quản lý sáng kiến này.

Công việc của sáng kiến ở mỗi nước được thực hiện thông qua Nhóm điều phối quốc gia, gồm Điều phối viên (chuyên viên cấp cao được chính phủ đề cử) và Trưởng phòng Thông tin, liên kết với mạng lưới các đối tác trên toàn quốc. Trong 2 năm đầu, các Trưởng phòng Thông tin sẽ được STREAM hỗ trợ phần mềm, phần cứng, đào tạo, công nghệ thông tin, nhân sự và liên kết các đối tác trong nước thông qua mạng internet.

Hoạt động điều phối ở mỗi quốc gia sẽ được định hướng bằng Tài liệu chiến lược quốc gia được cập nhật hàng năm. Tài liệu này do Điều phối viên và Trưởng phòng Thông tin xây dựng với sự tư vấn của các đối tác, nhằm xác định các vấn đề chủ chốt, chỉ rõ các mối liên hệ ở cấp khu vực, đề xuất và xếp thứ tự ưu tiên những hoạt động cần triển khai, đồng thời tìm kiếm thêm nguồn tài chính cho các lĩnh vực này từ phía STREAM hoặc những nhà tài trợ khác (thông qua sự trợ giúp của STREAM).

Văn phòng STREAM khu vực (đặt tại Trụ sở Ban Thư ký NACA ở Băngcốc – Thái Lan) có chức năng chỉ đạo chung và điều phối ở cấp khu vực, phân bổ kinh phí và quản lý các hoạt động đan xen giữa 4 chủ điểm sinh kế, phát triển thể chế, xây dựng chính sách, và trao đổi thông tin của sáng kiến.

Sáng kiến STREAM sẽ được thực hiện liên tục, từ những thử nghiệm ban đầu ở Campuchia và Việt Nam mở rộng ra các nước Châu Á - Thái Bình Dương - nơi có cơ hội giải quyết vấn đề nghèo đói và ứng dụng phương pháp quản lý có hiệu quả. Khi đã tích lũy được những kinh nghiệm và bài học, các ảnh hưởng tích cực sẽ được tạo ra và đó sẽ là cơ sở để có thêm nguồn tài trợ cho sáng kiến này. Chiến lược trao đổi thông tin của STREAM nhằm vào việc gia tăng tác động lên các diễn biến phát triển ở khu vực thông qua việc cung cấp những kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết cho những diễn biến đó. Tạp chí và trang web STREAM đều là những hợp phần của chiến lược này.

Các Trưởng phòng Thông tin Quốc gia của STREAM:

Cam-pu-chia: Sem Viryak. Thư điện tử: <cfdo@camnet.com.kh>
 Ấn Độ: Rubu Mukherjee. Thư điện tử: <rubumukherjee@rediffmail.com>
 In-đô-nê-xi-a: Alfida Ahada. Thư điện tử: <budhiman@indosat.net.id>
 Mi-an-ma: Khin Muang Soe. Thư điện tử: <dof@mptmail.net.com>
 Népan: Nilkanth Pokhrel. Thư điện tử: <agroinfo@wlink.com.np>
 Phi-líp-pin: Elizabeth Gonzales. Thư điện tử: <streambfar-phil@skynet.net>
 Việt Nam: Nguyễn Song Hà. Thư điện tử: <streamsapa@vietel.com.vn>
 Tỉnh Vân Nam (Trung Quốc): Susan Li. Thư điện tử: <ynyycn@km169.net, blueseven@mail.china.com>